

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2018/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 19 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ một số chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc; mức đóng góp, mức hỗ trợ và chế độ miễn, giảm một số chi phí đối với người nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng

J.B.N.D.TINH
Số: _____
ĐẾN Ngày: _____

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc trình ban hành nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc; mức đóng góp, mức hỗ trợ và chế độ miễn, giảm một số chi phí đối với người nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị Quyết này quy định mức hỗ trợ một số chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính; mức đóng góp, mức hỗ trợ và chế độ miễn, giảm một số chi phí đối với người nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

b) Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

c) Người nghiện tuý trong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

Điều 2. Quy định về mức hỗ trợ; các khoản đóng góp; chế độ miễn, giảm, hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện

1. Hỗ trợ một số chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc:

- Tiền ăn, tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ;

- Tiền hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động;

- Tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe đối với học viên là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú.

* Mức hỗ trợ: Thực hiện theo mức hỗ trợ của địa phương nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc mà cơ quan, người có thẩm quyền của tỉnh Kon Tum chuyển, gửi người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng hoặc gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian bắt buộc cai nghiện tập trung tại cộng đồng, trừ các trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại khoản 3 Điều này và trường hợp được hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều này và điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư số 117/2017/TT-BTC:

a) Chi phí khám sức khỏe, xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 280.000 đồng/người/lần chấp hành Quyết định.

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 700.000 đồng/người/lần chấp hành Quyết định.

c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000 đồng/người/ngày.

d) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách: 50.000 đồng/người/buổi tư vấn.

3. Chế độ miễn, giảm một phần chi phí đối với một số đối tượng nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng:

a) Đối với người nghiện ma túy thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách (theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng), người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được miễn 100% mức đóng góp các khoản chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét

nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn trong thời gian tập trung cai nghiện tại cộng đồng.

b) Đối với người nghiện ma túy thuộc hộ cận nghèo được giảm 50% mức đóng góp các khoản chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn trong thời gian tập trung cai nghiện tại cộng đồng.

4. Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách (theo *Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng*), người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ tiền thuốc điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy: 700.000 đồng/người/lần chấp hành Quyết định.

5. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khoá XI Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra VBQPPL*);
- Bộ LĐTB và Xã hội (*Vụ Pháp chế*);
- Bộ Tài chính (*Vụ Pháp chế*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Kon Tum; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHD.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng